

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2024

V/v Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Văn Hoàng

Bà Hoàng Hương Liễu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Bích – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lành Thị L, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Hà Văn T, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/6/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lành Thị L trình bày:

Chị Lành Thị L và anh Hà Văn T quen biết nhau từ cuối năm 2013 qua bạn bè giới thiệu, hai bên nói chuyện, tìm hiểu đến năm 2014 thì anh Hà Văn T hỏi cưới chị Lành Thị L. Lúc đó chị Lành Thị L mới 18,19 tuổi, tìm hiểu chưa kỹ nên nhận lời kết hôn với anh Hà Văn T. Tháng 9 âm lịch năm 2014 chị Lành Thị L và anh Hà Văn T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện V ngày 03/9/2014. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng chung sống ở xã K, huyện V nhưng chỉ hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu. Từ 2016 chị Lành Thị L đi làm công nhân ở Bắc Ninh, cuối năm 2017 thì anh Hà Văn T cũng xuống Bắc Ninh làm công nhân, thuê nhà trọ sống cùng nhau, mỗi lần say rượu thì anh Hà Văn T lại đánh vợ, từ 2019 thì anh Hà Văn T về xã K sinh sống, chị Lành Thị L vẫn làm công nhân ở Bắc Ninh, thì thoảng mới về nhà, mỗi lần về vợ chồng lại chửi nhau về tiền bạc, con cái. Từ tết nguyên đán năm 2024 thì chị Lành Thị L không về nhà chồng nữa, chỉ về qua nhà thăm con một lúc rồi lại đi. Hiện nay chị Lành Thị L không còn tình cảm gì với anh Hà Văn T nên đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Hà Thúy Đ, sinh ngày 07/8/2015 và Hà Ái D, sinh ngày 21/6/2018, hiện nay đang sống cùng anh Hà Văn T ở thôn Đ, xã K, huyện V. Khi ly hôn chị Lành Thị L yêu cầu anh Hà Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung Hà Thúy Đ và Hà Ái D cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị Lành Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2024 bị đơn Hà Văn T trình bày: Anh Hà Văn T và chị Lành Thị L kết hôn tháng 9 năm 2014 theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện V. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng chung sống ở xã K, huyện V. Từ 2016 hai vợ chồng cùng nhau đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, thì thoảng có cãi nhau về tiền bạc, có chửi nhau, đánh nhau nhưng không ai can thiệp. Từ năm 2020 thì anh Hà Văn T về nhà ở xã K sinh sống, không đi làm công nhân nữa, chị Lành Thị L vẫn đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh. Từ khi về nhà thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhiều hơn và hay cãi nhau về tiền bạc. Thì thoảng chị Lành Thị L có về thăm con nhưng về vài tiếng lại đi. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Lành Thị L yêu cầu ly hôn thì anh Hà Văn T nhất trí. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Hà Thúy Đ, sinh ngày 07/8/2015 và Hà Ái D, sinh ngày 21/6/2018. Khi ly hôn thì anh Hà Văn T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, yêu cầu chị Lành Thị L cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

Toà án nhân dân huyện Văn Quan đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại Công văn số 466/UBND ngày 19/7/2024, UBND xã K, huyện V cho biết: Chị Lành Thị L và anh Hà Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã K ngày 03/9/2014 và chung sống với nhau ở thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chị Lành Thị L đi làm công nhân, vắng mặt ở địa phương. Hai vợ chồng có 02 con chung là Hà Thúy Đ, sinh ngày 07/8/2015 và Hà Ái D, sinh ngày 21/6/2018 hiện nay đang sống cùng anh Hà Văn T, không bị ngược đãi. Tại biên bản lấy lời khai con chưa thành niên ngày 17/7/2024, cháu Hà Thúy Đ trình

bày nguyện vọng được sống cùng bố Hà Văn T nếu bố mẹ ly hôn.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 09/8/2024 để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên anh Hà Văn T vắng mặt, chị Lành Thị L có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lành Thị L, xử cho chị Lành Thị L được ly hôn anh Hà Văn T. Về con chung, giao cháu Hà Thúy Đ, sinh ngày 07/8/2015 và Hà Ái D, sinh ngày 21/6/2018 cho anh Hà Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lành Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết do đương sự trình bày không có. Về án phí, buộc chị Lành Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Lành Thị L và anh Hà Văn T có quen biết, yêu nhau, tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn ngày

03/9/2014 tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Nguyên đơn trình bày vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2016 đến nay do anh Hà Văn T hay rượu chè, nhiều lần đánh đập, bạo hành vợ nên vợ chồng đã ly thân từ tết nguyên đán năm 2024 đến nay. Bị đơn Hà Văn T cho rằng vợ chồng thì thoảng có cãi vã nhau, mâu thuẫn về tiền bạc nên tình cảm không còn, nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng chị Lành Thị L và anh Hà Văn T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương nhau và nhất trí ly hôn. Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Hà Văn T đều không có mặt tham gia phiên hoà giải, phiên toà, thể hiện không còn nguyện vọng đoàn tụ, không có giải pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Lành Thị L và anh Hà Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lành Thị L.

[4] Về con chung: Chị Lành Thị L và anh Hà Văn T có 02 con chung tên là Hà Thuý Đ, sinh ngày 07/8/2015 và Hà Ái D, sinh ngày 21/6/2018, hiện nay đang sống cùng anh Hà Văn T ở thôn Đ, xã K, huyện V. Chị Lành Thị L và anh Hà Văn T đều yêu cầu giao cho anh Hà Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Thuý Đ và Hà Ái D cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ý kiến của chị Lành Thị L và anh Hà Văn T phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bên đương sự. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Văn T yêu cầu chị Lành Thị L cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lành Thị L nhất trí mức cấp dưỡng nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bên đương sự. Khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị Lành Thị L là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, không yêu cầu miễn án phí nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lành Thị L được ly hôn anh Hà Văn T

2. Về con chung: Giao cháu Hà Thúy Đ, sinh ngày 07/8/2015 và Hà Ái D, sinh ngày 21/6/2018 cho anh Hà Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lành Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng/tháng/con (*Một triệu đồng/tháng/con*), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến cháu Hà Thúy Đ và Hà Ái D đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lành Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con chung để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Lành Thị L đã nộp 300.000 đồng tiền án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003237 ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chị Lành Thị L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí để sung Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. V, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hường